

Danh sách các loài động vật bị nghiêm cấm tiêu thụ dưới mọi hình thức ở Việt Nam

Danh sách sau đây bao gồm những loài động vật thường thấy bị buôn bán tại Việt Nam. Tuy nhiên, chúng đều được Pháp luật Việt Nam bảo vệ theo các qui định tại Nghị định 32/2006/ND-CP và Nghị định 59/2005/ND-CP cùng Thông tư 02/2006/TT-BTS. Mọi hoạt động buôn bán, sử dụng, và tiêu thụ các loài động vật này đều bị nghiêm cấm.

Ngoài ra, những loài này đều được đưa vào Sách Đỏ Việt Nam 2007. Hơn nữa, hầu hết các loài trong danh sách này thuộc Phụ lục I, Công ước về Buôn bán Quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES). Việt Nam chính thức tham gia Công ước này từ năm 1994. Tất cả các hoạt động buôn bán thương mại quốc tế các loài thuộc Phụ lục I của Công ước CITES hoàn toàn bị nghiêm cấm.

Mọi hoạt động khai thác, buôn bán, và tiêu thụ các loài động vật này đều trái pháp luật trừ khi được cho phép bởi các cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam. Vì vậy, WWF, TRAFFIC và Chính phủ Việt Nam đề nghị người dân ***không tiêu thụ các loài động vật này dưới bất kỳ hình thức nào.***

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Mục đích sử dụng/các bộ phận thường bị sử dụng	Nhóm IB Nghị định 32/ Nghị Định 59	Công ước CITES Phụ lục I	Sách Đỏ Việt Nam 2007
	THÚ					
1	Hổ	<i>Panthera tigris</i>	- Thuốc y học cổ truyền (xương, bàn chân) - Xa xỉ phẩm (vuốt, da, răng) - Chiến lợi phẩm (đầu có để treo, da, mẫu nhồi, răng) - Thực phẩm (thịt)	√	√	CR
2	Báo gấm	<i>Neofelis (Pardofelis) nebulosa</i>	- Xa xỉ phẩm (vuốt, da, răng) - Chiến lợi phẩm (da, mẫu nhồi, răng)	√	√	EN
3	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>	- Xa xỉ phẩm (vuốt, da, răng) - Chiến lợi phẩm (da, mẫu nhồi, răng)	√	√	CR
4	Tê giác Java	<i>Rhinoceros</i>	- Thuốc y học cổ truyền (sừng, da)	√	√	CR

CR - Cực kì nguy cấp EN – Đang nguy cấp VU – Sẽ nguy cấp

		<i>sondaicus</i>				
5	Gấu chó	<i>Helarctos (Ursus) malayanus</i>	- Thuốc y học cổ truyền (xương, mật, túi mật, bàn chân)	√	√	EN
6	Gấu ngựa	<i>Ursus thibetanus</i>	- Thuốc y học cổ truyền (xương, mật, túi mật, bàn chân)	√	√	EN
7	Voi Châu Á	<i>Elephas maximus</i>	- Thuốc y học cổ truyền (da) - Xa xỉ phẩm (ngà) - Chiến lợi phẩm (chân, lông)	√	√	CR
8	Sơn dương	<i>Capricornis sumatraensis</i>	- Thuốc y học cổ truyền (sừng, tinh hoàn, xương) - Chiến lợi phẩm (đầu có để treo) - Thực phẩm (thịt)	√	√	EN
9	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>	- Thuốc y học cổ truyền (nước tiểu) - Xa xỉ phẩm (sừng) - Chiến lợi phẩm (đầu có để treo, sừng) - Thực phẩm (thịt)	√	√	EN
10	Hươu vàng	<i>Axis porcinus (annamiticus)</i>	- Thuốc y học cổ truyền (gạc) - Chiến lợi phẩm (đầu có để treo) - Thực phẩm (thịt)	√	√	EN
11	Nai cà tong	<i>Cervus eldii</i>	- Thuốc y học cổ truyền (gạc) - Chiến lợi phẩm (đầu có để treo) - Thực phẩm (thịt)	√	-	EN
12	Cu li	<i>Nycticebus spp.</i>	- Thuốc y học cổ truyền (xương, toàn thân) - Thực phẩm (tiết, óc, thịt) - Thú nuôi làm cảnh	√	√	VU
13	Voọc chà vá	<i>Pygathrix nemaeus</i> <i>Pygathrix nigripes</i> <i>Pygathrix cinerea</i>	- Thuốc y học cổ truyền (xương, toàn cơ thể) - Thực phẩm (huyết, óc, thịt) - Thú nuôi làm cảnh	√	√	CR/EN
14	Vượn đen tuyền	<i>Nomascus (Hylobates)</i>	- Thuốc y học cổ truyền (xương, toàn thân) - Thực phẩm (tiết, óc, thịt)	√	√	EN

CR - Cực kì nguy cấp EN – Đang nguy cấp VU – Sẽ nguy cấp

		<i>concolor concolor</i>	- Thú nuôi làm cảnh			
15	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>	- Thuốc y học cổ truyền (xương, toàn thân) - Thực phẩm (tiết, óc, thịt) - Thú nuôi làm cảnh	√	√	EN
16	Vượn đen má hung	<i>Nomascus (Hylobates) gabriellae</i>	- Thuốc y học cổ truyền (xương, toàn thân) - Thực phẩm (tiết, óc, thịt) - Thú nuôi làm cảnh	√	√	EN
17	Tê tê/Trút ¹	<i>Manis spp.</i>	- Thuốc y học cổ truyền (vây) - Xa xỉ phẩm (da) - Thực phẩm (thịt)	Nghị định 32 Nhóm IIB	CITES Phụ lục II Hạn ngạch 0 (Zero)	EN
18	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>	- Xa xỉ phẩm (da)	√	√	VU
19	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>	- Xa xỉ phẩm (da)	√	CITES Phụ lục II	EN
20	Rái cá lông mượt	<i>Lutra perspicillata</i>	- Xa xỉ phẩm (da)	√	CITES Phụ lục II	EN
21	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinerea (cinereus)</i>	- Xa xỉ phẩm (da)	√	CITES Phụ lục II	VU
22	Chồn mực (Cầy đen)	<i>Arctictis binturong</i>	- Thực phẩm (thịt)	√	-	EN
	BÒ SÁT					
23	Rùa biển					
	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>	- Xa xỉ phẩm (mai) - Thực phẩm (thịt, trứng)	√	√	CR

¹ Mặc dù tê tê thuộc nhóm IIB Nghị Định 32 nhưng chúng được đưa vào danh sách này vì những hoạt động buôn bán trái phép tê tê được các nhà bảo tồn cho rằng có ảnh hưởng nghiêm trọng tới số lượng loài trong tự nhiên. Dựa vào thực tế này, các nước thành viên tham gia Công ước CITES nhất trí nghiêm cấm các hoạt động buôn bán quốc tế cho đến khi có thêm thông tin về tình trạng tê tê trong tự nhiên.

	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>	- Xa xỉ phẩm (mai, mẫu nhồi) - Thực phẩm (thịt, trứng)	√	√	EN
	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>	- Thực phẩm (thịt, trứng)	√	√	EN
	Quần đồng ²	<i>Caretta caretta</i>	- Nghi ngờ buôn bán thịt, mai	√	√	CR
	Vích/rùa xanh	<i>Chelonia mydas</i>	- Xa xỉ phẩm (mẫu nhồi) - Thực phẩm (thịt, trứng)	√	√	EN
24	Rùa hộp ba vạch	<i>Cuora trifasciata</i>	- Thuốc y học cổ truyền (mai) - Thực phẩm (thịt) - Thú nuôi làm cảnh	√	CITES Phụ lục II	CR
25	Rùa núi vàng ³	<i>Indotestudo elongata</i>	- Thuốc y học cổ truyền (mai) - Thực phẩm (thịt) - Thú nuôi làm cảnh	Nghị định 32 Nhóm IIB	CITES Phụ lục II	EN
26	Hổ mang chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>	- Thuốc y học cổ truyền (mật, toàn thân, xương) - Xa xỉ phẩm (da) - Thực phẩm (thịt)	√	CITES Phụ lục II	CR

² Mặc dù nạn buôn bán không phải là mối đe dọa chính đối với quần đồng tại Việt Nam nhưng chúng vẫn được đưa vào danh sách này để hướng dẫn người tiêu dùng tránh buôn bán tất cả các loài rùa từ môi trường biển.

³ Nằm trong nhóm IIB Nghị định 32 và Phụ lục II Công ước CITES, loài động vật này đang có nguy cơ tuyệt chủng do bị xuất khẩu sang Trung Quốc và tiêu thụ quá mức tại các nhà hàng trong nước.